

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY
TỈNH KON TUM**
Bản án số: 13/2024/HS - ST
Ngày 20/9/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Nghĩa và ông Đinh Xuân Thi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2024/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 9 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **A K k**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 26 tháng 11 năm 2001 tại: Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Kon Drei, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Rơ Ngao (Ba Na); Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Trung, sinh năm 1973 và bà Y Blôn, sinh năm: 1975; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/6/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **A N**; Tên gọi khác: Tét; Sinh ngày: 01/02/2006 tại Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn Kon JoDreh Plong, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Ba Na; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Nai (đã chết) và bà Y Blanh, sinh năm: 1981; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/7/2024 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo A K K và A N: Bà Đặng Thị Kim Nguyệt – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: 211 Trần Hưng Đạo, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- **Bị hại:** Chị Trương Thị Mai, sinh năm: 1967 và anh Trần Văn Phương, sinh năm: 1965. Cùng địa chỉ: Thôn 12, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Trần Thị Loan, sinh năm: 1987. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bà Y BLanh, sinh năm: 1981. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn Kon JDreh PLong, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

3. Anh A Lâm, sinh năm: 2003.

4. Anh A Thuk, sinh năm: 1977.

Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Đều vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Anh A Trao, sinh năm: 2006

Địa chỉ: Thôn 7, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 00 ngày 04/5/2024, A K K và A N đến quán Internet Minh ở thôn Kon JoDreh Plong, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum chơi. Tại đây, A K K rủ A N đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân thì A Nik đồng ý. Sau đó, A K K và A N đến gặp A Lâm Trú tại: Thôn 7, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy cũng đang chơi trong quán Internet Minh để mượn xe mô tô. A N nói với A Lâm: “Cho tao mượn xe đi xiu” thì A Lâm đồng ý, rồi A Nik điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 37L5-3907 đã mượn của A Lâm chở A K K đi và A K K chỉ dẫn cho A N đi lên huyện Kon Rẫy. Khi đi đến thôn 10, xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy, A N điều khiển xe đi vào đường bê tông để vào khu vực rẫy của người dân, rồi đi qua cầu treo đến đường đất tại thôn 12 (Tam Sơn), xã Đăk Tờ Re, huyện Kon Rẫy. Lúc này, A N và A K K thấy có 01 xe mô tô BKS 82K1-022.30 để ở rẫy trồng cây cao su phía sát bờ thì A N dừng xe lại, rồi A N đi bộ lại gần xe này thì thấy trên xe có cắm sẵn chìa khóa và không thấy có ai trông coi nên A N nói với A K K: “Lấy trộm xe này” và A K K “đồng ý”. Sau đó, A N mở khóa xe, rồi nổ máy và điều khiển xe này đi trước, còn A K K điều khiển xe mô tô mượn của A Lâm đi theo sau. Lúc này, ông Trần Văn Phương đang làm rẫy thì nghe thấy tiếng nổ máy xe mô tô nên ra xem, rồi

phát hiện 02 nam thanh niên đang đi trên hai xe mô tô, trong đó: Một người đang điều khiển xe mô tô BKS 82K1-022.30 của gia đình ông Phương chạy về hướng đường bê tông thôn 12 (Tam Sơn), xã Đắk Tô Re nên ông Phương đuổi theo nhưng không kịp.

Khi A K K và A N về đến xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum thì hai người đem chiếc xe mô tô BKS 82K1-022.30 ra sông Đắk Blà để rửa xe này, rồi hai người đến tiệm cầm đồ Loan ở thôn Kon JoDreh Plong, xã Đắk Blà, thành phố Kon Tum do chị Trần Thị Loan làm chủ để cầm cố xe mô tô đã trộm cắp được của gia đình ông Phương. Lúc này, chị Loan yêu cầu A Nik cung cấp giấy đăng ký xe thì A N nói: *“Đây là xe của dì em, không có giấy đăng ký xe, chị cho em cầm đồ khoảng 2 đến 3 ngày sau em sẽ đến lấy”*. Thấy A N là người ở cùng thôn nên chị Loan đồng ý cầm cố chiếc xe trên với giá 1 triệu đồng. Sau khi nhận được tiền cầm cố xe thì A K K và A N chia nhau mỗi người 500.000 đồng, rồi hai người tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KLDGTS, ngày 06/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Kon Rẫy, kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 82K1-022.30 của gia đình ông Trần Văn Phương có giá trị là: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn).

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT-Công an huyện Kon Rẫy đã tạm giữ những vật chứng gồm: 01 xe mô tô BKS: 82K1-022.30, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RS, màu sơn: Đen xám, xe cũ đã qua sử dụng; 01 xe mô tô BKS: 37L5-3907, nhãn hiệu ESPECIAL, số khung: VSABCH043SA009967, Số máy: DM110E0005807, xe cũ đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 000509, tên chủ xe Trương Thị Mai, biển số đăng ký 82K1-022.30; 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 0220831, họ tên chủ xe Nguyễn Ngọc Cơ, biển số 37L5-3907. Sau khi điều tra làm rõ vụ án, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Kon Rẫy đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp 02 mô tô và 02 giấy đăng ký xe nói trên cho chị Trương Thị Mai và anh A Lâm.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo A N đã tác động mẹ mình là bà Y Blanh góp tiền cùng với bị cáo A K K bồi thường cho những người bị hại là chị Trương Thị Mai và anh Trần văn Phương số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và bồi thường cho chị Trần Thị Loan số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo A K K và A N khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy truy tố, các bị cáo cũng không có trình bày gì thêm.

Bị hại anh Trần Văn Phương và chị Trương Thị Mai vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị Mai và anh Phương không yêu cầu

các bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Loan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị Loan thể hiện không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Y Blanh không yêu cầu bị cáo A N phải hoàn trả lại số tiền 1.750.000 đồng (*một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) mà bà Y Blanh đã bỏ ra để bồi thường cho những người bị hại và chị Trần Thị Loan.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố số 11/CT-VKS ngày 29/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo A K K và A Nik phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị HĐXX xem xét các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn; xem xét các tình tiết giảm nhẹ áp dụng cho các bị cáo là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 65; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị:

Xử phạt bị cáo A K K 15 (Mười lăm) đến 20 (Hai mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (Ba mươi) đến 40 (Bốn mươi) tháng.

Xử phạt bị cáo A N 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Sau khi điều tra làm rõ vụ án, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Kon Rẫy đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp các vật chứng, tài liệu đã thu giữ (*02 mô tô và 02 giấy đăng ký xe*) nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Ngoài ra trong vụ án này còn thể hiện: A Lâm là người cho các bị cáo A K K và A N mượn chiếc xe mô tô BKS: 37L5-3907 nhưng anh A Lâm không biết việc các bị cáo sử dụng xe mô tô này vào việc trộm cắp tài sản. Đối với chị Trần Thị Loan là người đã nhận cầm cố chiếc mô tô BKS: 82K1-022.30 mà các bị cáo A K K và A N đã trộm cắp của gia đình ông Trần Văn Phương nhưng chị Loan không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh A Lâm và bà Trần Thị Loan là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo A K K và A N: Nhất trí với tội danh và điều luật như Viện kiểm sát đề nghị nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị

cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo là người dân tộc thiểu số nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế, hành sự thiếu suy nghĩ; người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo sống biết tôn trọng pháp luật, về án phí các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát và lời trình bày bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kon Rẫy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị hại chị Trương Thị Mai và anh Trần Văn Phương, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Loan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thể hiện về trách nhiệm dân sự không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, về hình phạt bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo A K K và A N: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng 09 giờ 00 ngày 04/5/2024, bị cáo A K K rủ bị cáo A N đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân thì A Nik đồng ý. Sau đó, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Trần Văn Phương, A K K và A N đã lén lút chiếm

đoạt chiếc xe mô tô BKS 82K1-022.30 của gia đình anh Trần Văn Phương đang được dựng ở rẫy trồng cây cao su tại thôn 12, xã Đăk Tô Re, huyện Kon Rẫy. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo A K K và A N gây thiệt hại là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo A K K và A N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do vậy, Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 29/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo A K K và A N là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người nên HĐXX nhận định các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo A K K là người rủ rê bị cáo A N đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân và bị cáo cũng đi tham gia trộm cắp tài sản nên bị cáo đồng thời là người thực hành, còn bị cáo A N là người trực tiếp trộm cắp chiếc xe mô tô BKS: 82K1-022.30 trị giá 5 triệu đồng của gia đình ông Trần Văn Phương nên bị cáo A N là người thực hành.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng với bản tính lười lao động nhưng lại thích hưởng thụ nên các bị cáo đã cố ý trộm cắp tài sản của người khác. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo A K K và A N đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo được hưởng khi lượng hình.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[4.3] Về nhân thân của bị cáo: Các bị cáo có nhân thân tốt.

Xét thấy các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị

cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ sức để giáo dục các bị cáo.

[5]. Ngoài ra trong vụ án này còn thể hiện: A Lâm là người cho các bị cáo A K K và A N mượn chiếc xe mô tô BKS: 37L5-3907 nhưng anh A Lâm không biết việc các bị cáo sử dụng xe mô tô này vào việc trộm cắp tài sản. Đối với chị Trần Thị Loan là người đã nhận cầm cố chiếc mô tô BKS: 82K1-022.30 mà các bị cáo A K K và A N đã trộm cắp của gia đình ông Trần Văn Phương nhưng chị Loan không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh A Lâm và bà Trần Thị Loan là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vật chứng vụ án: Sau khi điều tra làm rõ vụ án, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Kon Rẫy đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp các vật chứng, tài liệu đã thu giữ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì phải chịu án phí theo quy định, tuy nhiên các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm ủy ban dân tộc nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện các bị cáo làm nghề nông, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng và hiện đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo A K K và A N (tên gọi khác: Tét) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 65; các điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo A K K 12(Mười hai) tháng tù,nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2024). Giao bị cáo A K K cho Ủy ban nhân dân xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo vi phạm vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo A N (Tên gọi khác: Tết) 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2024). Giao bị cáo A N (Tên gọi khác: Tết) cho Ủy ban nhân dân, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo vi phạm vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12; Điều 21; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo A K K và A N.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/9/2024). Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND CC Tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND huyện Kon Rẫy;
- CA huyện Kon Rẫy;
- Chi cụcTHADS huyện Kon Rẫy.
- Bị cáo;
- UBND nơi đăng ký HKTT của các bị cáo;
- Người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa